

TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI Tháng 04 năm 2016

I. CÔNG NGHIỆP

Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 4 ước tính giảm 6,7% so với tháng trước. Một số ngành có chỉ số tăng so với tháng trước: sản xuất kim loại (+39,6%); sản xuất giấy (+28,8%); xe có động cơ (+9,5%); sản xuất và phân phối điện (+6,9%); sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic (+4,6%); in (+4,5%)... Một số ngành có chỉ số giảm so tháng trước: sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (-15,4%); sản phẩm điện tử (-13,1%); giường, tủ, bàn, ghế (-12,8%); thuốc, hóa dược (-12,3%)...

Chỉ số sản xuất công nghiệp ước tháng 4 tăng 3,1% so với tháng cùng kỳ.

Cộng dồn 4 tháng đầu năm **chỉ số sản xuất công nghiệp ước tăng 6,2% so với cùng kỳ năm 2015** (chỉ số năm trước +5,7%). Trong đó ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 6,3%; sản xuất phân phối điện tăng 10,5%; cung cấp nước và xử lý chất thải tăng 12,4%. Tình hình sản xuất ở một số ngành có tỷ trọng cao như sau:

Chỉ số phát triển công nghiệp một số ngành chủ yếu

	Tháng 4/2016 so với tháng 3/2016	Đơn vị tính: % 4 tháng so với cùng kỳ
Tổng số	93,3	106,2
Chia theo ngành cấp 1		
1. Công nghiệp khai thác mỏ		13,6
2. Công nghiệp chế biến	93,2	106,3
3. SX và phân phối điện	106,9	110,5
4. SX và phân phối nước, xử lý chất thải	102,2	112,4
Một số ngành chủ yếu		
1. Sản xuất chế biến thực phẩm	88,8	105,4
2. Sản xuất đồ uống	93,5	114,8
3. Sản xuất trang phục	92,3	110,8
4. Sản xuất da và SP liên quan	100,2	98,5
5. SX hóa chất và SP hóa chất	97,2	103,3
6. Sản phẩm từ cao su và plastic	104,6	100,1
7. SP. từ khoáng phi kim loại	106,7	118,3
8. Sản xuất SP điện tử	87,0	110,0
9. Sản xuất thiết bị điện	89,8	105,1
10. Sản xuất xe có động cơ	109,5	84,6

Theo ngành công nghiệp cấp 2, có 20/26 ngành tăng so với cùng kỳ năm trước. Trong đó **một số ngành có chỉ số sản xuất tăng cao** như: sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại (+18,3%); sản xuất đồ uống (+14,8%); sản xuất trang phục (+10,8%); sản

xuất và phân phối điện (+10,5%)... **Một số ngành có mức tăng khá:** sản xuất giấy (+9,3%); sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (+8,5%); dệt (+5,5%); chế biến thực phẩm (+5,4%)... **Một số ngành có mức tăng thấp hoặc giảm:** in (+3,7%); sản xuất hóa chất (+3,3%); thuốc, hóa dược (+1,6%); sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (+1,3%); sản xuất da (-1,5%); sản xuất kim loại (-3,3%); sản xuất xe có động cơ (-15,4%); phương tiện vận tải khác (-24,5%)...

Kết quả sản xuất 4 ngành công nghiệp trọng điểm: ước tháng 4 giảm 9,3% so với tháng trước; tăng 3,4% so với tháng 4/2015. Cộng dồn 4 tháng tăng 5,8%, bao gồm: ngành chế biến lương thực thực phẩm, đồ uống tăng 10,9%; sản xuất sản phẩm điện tử tăng 10,0%; ngành hóa dược tăng 1,4% và cơ khí chế tạo giảm 1,2%.

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 3 tăng 40,4% so với tháng trước; tăng 0,5% so tháng cùng kỳ năm 2015. Tính chung 3 tháng đầu năm tăng 5,5% so với cùng kỳ. Một số ngành có chỉ số tiêu thụ tăng cao so cùng kỳ: sản xuất phương tiện vận tải; sản xuất sản phẩm điện tử; sản xuất đồ uống; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại; trang phục... Một số ngành có chỉ số tiêu thụ tăng thấp: sản xuất da; sản xuất thuốc, hóa dược; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn; in; sản xuất thiết bị điện...

Chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tại thời điểm 01/4 tăng 27,8% so với cùng thời điểm năm trước. Một số ngành có chỉ số tồn kho tăng: sản xuất chế biến thực phẩm; sản xuất đồ uống; sản xuất trang phục; sản xuất giấy; sản xuất thiết bị điện... Một số ngành có chỉ số tồn kho giảm: sản xuất thuốc lá; dệt; in; thuốc, hóa dược; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic; sản xuất xe có động cơ; sản xuất phương tiện vận tải khác...

II. NÔNG, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN

1. Nông nghiệp

Diện tích gieo trồng lúa đông xuân ước đạt 4.562 ha, giảm 2,4% so với cùng kỳ năm trước (huyện Củ Chi 3.324 ha, huyện Hóc Môn 769 ha), trong đó đã thu hoạch 3.393 ha, bằng 95,7% so với cùng kỳ. Lúa hè thu đã xuống giống 206 ha, bằng 48,7% so tiến độ gieo trồng cùng kỳ.

Diện tích gieo trồng các loại cây khác nhìn chung đều tăng so với cùng kỳ. Diện tích rau 5.932 ha, tăng 16,2% so cùng kỳ; hoa cây cảnh 1.450 ha, tăng 9,8%; cỏ thức ăn gia súc tăng 1%...

Sinh vật gây hại trên cây trồng: Thời tiết hiện nay khô nóng, đồng ruộng trong tình trạng thiếu nước, tuy nhiên tình hình sâu bệnh vẫn ở mức độ nhẹ. Lúa đông xuân bị nhiễm bệnh 378,5 ha chủ yếu chủ yếu là rầy nâu, sâu cuốn lá, bọ xít... Diện tích rau bị nhiễm bệnh 449 ha.

2. Thủy sản

Sản lượng thủy sản tháng 4 ước đạt 3.247 tấn, giảm 6,9% so tháng cùng kỳ. Trong đó, sản lượng nuôi trồng 2.221,5 tấn, giảm 8,6%; khai thác 1.025,5 tấn, giảm 2,9% so với tháng cùng kỳ.

Sản lượng thủy sản 4 tháng ước đạt 17.373,3 tấn, giảm 2% so với cùng kỳ. Trong đó, sản lượng nuôi trồng 11.795,9 tấn, giảm 2,9%; khai thác 5.577,4 tấn, tương đương so với cùng kỳ.

Tình hình thả nuôi tôm: Tính đến ngày 10/4, đã có 325 lượt hộ thả nuôi tôm sú giống với 39,5 triệu con giống trên diện tích 2.906,4 ha. Tôm thẻ chân trắng có 603 lượt hộ thả nuôi với 248,9 triệu con giống trên diện tích 593 ha.

Dịch bệnh trên tôm: Tính từ đầu năm, có 54 hộ nuôi có tôm bị bệnh trên diện tích 32 ha, có 21 hộ với 12,5 ha được xử lý dập bệnh đốm trắng bằng thuốc của nguồn quỹ phòng, số còn lại hộ tự xử lý.

III. VỐN ĐẦU TƯ

1. Đầu tư xây dựng

Tổng vốn đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn 4 tháng ước thực hiện 39.823,7 tỷ đồng, tăng 8,1% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ 2015 tăng 4,5%).

Trong đó: Vốn từ ngân sách thành phố là 4.088,2 tỷ đồng, tăng 6,2% so với cùng kỳ. Cấp thành phố ước thực hiện 2.400,8 tỷ đồng, chiếm 58,7%; cấp quận huyện ước thực hiện 1.687,4 tỷ đồng, chiếm 41,3%.

Vốn đầu tư từ ngân sách địa phương

	Thực hiện 4 tháng/2016 (tỷ đồng)	So với cùng kỳ/2015 (%)
Tổng vốn đầu tư	4.088,2	106,2
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	330,3	142,3
Cấp thành phố	2.400,8	96,8
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	220,1	170,4
Cấp quận huyện	1.687,4	123,2
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	110,2	107,2

Dự ước tháng 4 so với tháng 3 tăng 17,1%, trong tháng có một số dự án khối lượng thực hiện cao như: Cải tạo hệ thống thoát nước TPHCM (giai đoạn 2); nạo vét luồng Sài Gòn (giai đoạn 2); hệ thống thoát nước Kinh Dương Vương; các dự án san lấp nền thuộc khu công nghệ cao... Nhìn chung 4 tháng khối lượng thực hiện vốn ngân sách có tốc tăng khá (6,2%), nhưng thấp hơn cùng kỳ năm trước (4 tháng năm 2015 tăng 8%).

Tình hình thực hiện một số công trình trọng điểm

- Dự án đường vành đai Tân Sơn Nhất - Bình Lợi – Vành đai ngoài (Phạm Văn Đồng): Hiện đang bàn giao mặt bằng đoạn đầu tuyến từ đường Trường Sơn đến Nguyễn Thái Sơn.

- Dự án tuyến đường sắt Bến Thành – Suối Tiên: Hiện khối lượng trên toàn tuyến như: các trụ móng, các trạm dừng và phần lắp ghép đường trên cao đạt khoảng 50%.

2. Tình hình cấp phép xây dựng nhà ở hộ dân cư

Tính đến cuối tháng 3, toàn thành phố đã cấp 11.493 giấy phép xây dựng và sửa chữa lớn, với diện tích sàn 2.270,6 ngàn m². Trong đó cấp cho xây dựng mới 11369 giấy phép, với diện tích 2.260,1 ngàn m² và 124 giấy phép sửa chữa lớn, với diện tích 10,5 ngàn m².

So với cùng kỳ tăng 3,0% về giấy phép (+337) và tăng 0,2% về diện tích (+5,3 ngàn m²).

3. Tình hình cấp phép đầu tư nước ngoài

Từ đầu năm đến ngày 15/4 đã có 225 dự án có vốn nước ngoài được cấp giấy chứng nhận đầu tư với tổng vốn đăng ký đạt 222,5 triệu USD. Chia theo hình thức đầu tư: 100% vốn nước ngoài 179 dự án, vốn đầu tư đạt 185,7 triệu USD; liên doanh 45 dự án, vốn đầu tư đạt 36,5 triệu USD; hợp đồng hợp tác kinh doanh 1 dự án, vốn đầu tư 290 nghìn USD.

Chia theo lĩnh vực hoạt động: thương nghiệp đứng đầu với 87 dự án, vốn đầu tư đạt 101,4 triệu USD (chiếm 45,6%); công nghiệp chế biến, chế tạo 15 dự án, vốn đầu tư 60,6 triệu USD (chiếm 27,2%); thông tin truyền thông 29 dự án, vốn đầu tư 19,6 triệu USD (chiếm 8,8%); hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ 40 dự án, vốn đầu tư 10,9 triệu USD (chiếm 4,9%); kinh doanh bất động sản 5 dự án, vốn đầu tư 9,5 triệu USD; vận tải kho bãi 18 dự án, vốn đầu tư 4,6 triệu USD; xây dựng 5 dự án, vốn đầu tư 2,1 triệu USD...

Chia theo đối tác đầu tư: đã có 32 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư. Trong đó, dẫn đầu là Nhật Bản với 39 dự án, vốn đầu tư đạt 70,6 triệu USD (chiếm 31,7%); kế đến là Singapore 29 dự án, vốn đầu tư 56,2 triệu USD (chiếm 25,2%); Malaysia 8 dự án, vốn đầu tư 23,4 triệu USD (chiếm 10,5%); Hàn Quốc 41 dự án, vốn đầu tư 17,5 triệu USD (chiếm 7,9%); Hà Lan 4 dự án, vốn đầu tư 13,7 triệu USD (chiếm 6,1%); Indonesia 2 dự án, vốn đầu tư 8,7 triệu USD (chiếm 3,9%); Trung Quốc 15 dự án, vốn đầu tư 5,5 triệu USD; Hồng Kông 14 dự án, vốn đầu tư 3,4 triệu USD; Đài Loan 6 dự án, vốn đầu tư 806,4 ngàn USD...

Điều chỉnh tăng vốn đầu tư 42 dự án, số vốn tăng 164,6 triệu USD. **Tổng vốn đầu tư đăng ký cấp mới và điều chỉnh đến ngày 15/4 đạt 387,1 triệu USD** (cùng kỳ năm trước đạt 813,8 triệu USD). Giải thể 12 dự án, vốn đầu tư 18,2 triệu USD.

4. Doanh nghiệp thành lập mới và ngừng hoạt động

a. Cấp phép thành lập doanh nghiệp (không bao gồm khu vực có vốn đầu tư nước ngoài)

Tính từ đầu năm đến 15/4 đã có 10.450 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, tăng 24,1% so với cùng kỳ; trong đó có 225 doanh nghiệp tư nhân; 1.186 công ty cổ phần; 9.038 công ty TNHH. Trong đó khu vực nông lâm thủy sản 50 doanh nghiệp, tăng 28,2% so cùng kỳ; khu vực công nghiệp xây dựng 2.362 doanh nghiệp, tăng 18,1%; và khu vực thương mại dịch vụ 8.038 doanh nghiệp, tăng 26%.

Tổng vốn đăng ký đạt 81.506 tỷ đồng, tăng 82,3% so cùng kỳ. Trong đó, khu vực nông lâm nghiệp và thủy sản đạt 493 tỷ đồng, tăng hơn 2 lần so với cùng kỳ; khu vực công nghiệp xây dựng đạt 17.799 tỷ đồng, tăng 29,5% so cùng kỳ; khu vực thương mại dịch vụ đạt 63.213 tỷ đồng, tăng gấp đôi so với cùng kỳ.

b. Doanh nghiệp ngừng hoạt động:

Theo báo cáo từ cơ quan thuế, trong 3 tháng đầu năm có 7.594 doanh nghiệp ngưng hoạt động, bằng 66,3% so số doanh nghiệp tăng trong kỳ (cấp mới 8.868 doanh nghiệp, tái hoạt động 2.587 doanh nghiệp). Trong đó có 25 doanh nghiệp thuộc khu vực có vốn đầu tư nước ngoài, 6.173 công ty TNHH, 831 công ty cổ phần và 549 doanh nghiệp tư nhân.

IV. NỘI THƯƠNG VÀ GIÁ TIÊU DÙNG

1. Nội thương

Trong tháng 4, tình hình kinh doanh của các đơn vị thương mại và dịch vụ tiêu dùng ước tính sẽ tăng khá so tháng trước do trong tháng 4 có 2 dịp nghỉ lễ Giỗ tổ Hùng Vương và dịp lễ 30/4- 1/5.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 4 ước đạt 56.581,2 tỷ đồng (không tính bán lẻ của các đơn vị sản xuất), tăng 3,8% so tháng trước. **Ước tính 4 tháng đầu năm, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 230.849,4 tỷ đồng, tăng 11%, loại trừ yếu tố giá tăng 10,2%.**

- Kinh tế nhà nước ước đạt 28.495,5 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 12,3%, tăng 1,3%;

- Kinh tế ngoài nhà nước 186.953,7 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 81%, tăng 12,1%.

- Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài 15.400,2 tỷ đồng, chiếm 6,7%, tăng 17,5%

Chia theo ngành kinh tế:

a. Thương nghiệp bán lẻ hàng hóa: tháng 4 đạt 44.342 tỷ đồng, tăng 3,5% so tháng trước. Bốn tháng đầu năm ước đạt 182.271,1 tỷ đồng, tăng 11,5%.

Các nhóm hàng hóa có mức tăng cao là: đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình +19,2% (chiếm 21,6%); vật phẩm văn hóa giáo dục +13,8% (chiếm 1,8%); Gỗ và vật liệu xây dựng +29,3% (chiếm 2,8%); Phương tiện đi lại +39,2% (chiếm 8,2%).

b. Dịch vụ lưu trú và ăn uống: ước tính doanh thu tháng 4 đạt 6.606,1 tỷ đồng, tăng 3,9% so tháng trước. Bốn tháng đầu năm ước tính đạt 27.378,1 tỷ đồng, tăng 6,5% so cùng kỳ. Trong đó dịch vụ lưu trú tăng 5,8%; Dịch vụ ăn uống tăng 6,6%.

c. Du lịch: tháng 4 ước đạt 1.418,1 tỷ đồng, tăng 3,7% so tháng trước. Bốn tháng đầu năm ước đạt 5.678 tỷ đồng, tăng 10,8% so cùng kỳ.

d. Dịch vụ tiêu dùng khác: Doanh thu tháng 4 ước đạt 4.214,7 tỷ đồng, tăng 7% so tháng trước. Bốn tháng đầu năm ước đạt 15.522,2 tỷ đồng, tăng 13,1% so cùng kỳ.

2. Chỉ số giá

Chỉ số giá tháng 4/2016 so tháng trước tăng 0,47% trong đó có 6 nhóm hàng tăng giá, tăng cao nhất là nhóm giao thông (+1,79%); tiếp theo là giáo dục (+1,62%); nhóm nhà ở điện nước chất đốt (+1,39%); đồ uống thuốc lá (+0,23%); may mặc giày dép (+0,44%); bưu chính viễn thông (+0,09%). Giảm so tháng trước là các nhóm: hàng ăn và dịch vụ ăn (-0,51%); đồ dùng gia đình (-0,18%); hàng hóa và dịch vụ khác (-0,11%); nhóm y tế và văn hóa giải trí không biến động.

Tình hình cụ thể một số nhóm ngành hàng so tháng trước:

Nhóm hàng Ăn: giảm 0,51% so tháng trước, cụ thể:

+ Nhóm lương thực: Giá lương thực tiếp tục tăng nhẹ (+0,20%) so tháng trước sau khi tăng nhẹ ở các tháng trước, hầu hết các mặt hàng gạo đều tăng, một phần do các tín hiệu tích cực về tình hình xuất khẩu gạo ở những tháng đầu năm 2016, bên cạnh đó còn do nguồn cung có phần hạn chế bởi thời tiết bất lợi.

+ Nhóm thực phẩm: Giá thực phẩm sau khi tăng nhẹ ở tháng 2 và tháng 3 với mức tăng (+1,55% và 0,29%), tháng này giá thực phẩm giảm nhẹ trở lại (-0,96%), so với tháng trước các nhóm hàng giảm mạnh trong tháng gồm: thịt heo (-0,45%); thịt bò (-0,68%); gia cầm tươi sống (-1,64%); thịt chế biến (-0,71%); trứng các loại (-1,36%); thủy sản tươi sống (-0,38%); rau các loại (-5,30%); trái cây các loại (-0,53%); đồ gia vị (-0,09%); bánh mứt kẹo (-0,19%); bên cạnh đó, một số nhóm mặt hàng tăng so tháng trước: dầu mỡ ăn (+0,28%); thủy sản chế biến (+0,98%); đường mật các loại (+0,49%); sữa bơ các loại (+0,05%)... Nhìn chung, giá thực phẩm tính từ đầu năm đến nay không biến động nhiều, do hiện nay nguồn cung các mặt hàng ổn định, dồi dào kết hợp với tác dụng của chương trình bình ổn giá của thành phố. Nếu tính từ đầu năm đến nay giá thực phẩm chỉ tăng nhẹ 0,76%, bình quân một tháng trong bốn tháng đầu năm 2016 giá thực phẩm tăng xấp xỉ 0,19%.

Nhóm nhà ở , điện nước, chất đốt, VLXD: tăng 1,39% , trong đó: Xi măng, cát, đá tăng nhẹ tùy loại, riêng sắt thép tăng khá do tác động từ việc ra quyết định áp thuế tự vệ tạm thời của Bộ Công Thương ban hành ngày 7/3/2016. Các mặt hàng khác tăng giảm không đáng kể; riêng giá gas tháng 4/2016 tăng bình quân 1,75% so tháng trước.

Nhóm giao thông: Tăng 1,79% so tháng trước, chủ yếu do tác động của việc điều chỉnh giá xăng dầu trong tháng, bình quân giá xăng dầu tăng 3,67% so tháng trước; riêng cước tàu hỏa giảm 6,55%, còn lại các mặt hàng khác thuộc nhóm giao thông không biến động.

Nhóm giáo dục: Tăng 1,62% so tháng trước ở nhóm học phí hệ đại học, học phí các hệ khác như: Hệ lớp 8 dân lập phổ thông cơ sở, hệ lớp 11 dân lập phổ thông trung học, học phí học nghề kỹ thuật, học phí trung cấp, học phí cao đẳng đã được tăng trong tháng 3/2016.

So với tháng 4/2015 chỉ số giá tiêu dùng tăng 1,09%, với 7 nhóm hàng tăng giá là hàng ăn và dịch vụ ăn; đồ uống thuốc lá; may mặc giày dép; nhà ở điện nước; thuốc và dịch vụ y tế; giáo dục và hàng hóa dịch vụ khác trong đó tăng cao nhất là nhóm y tế với mức 14,76%, 4 nhóm hàng còn lại đều giảm trong đó nhóm giao thông giảm mạnh với mức 13,07%.

So tháng 12/2015 chỉ số giá tiêu dùng tăng 0,57%, trong đó chỉ có 2 nhóm giảm là giao thông (-9,78%) và bưu chính viễn thông (-1,11%), 9 nhóm hàng còn lại đều tăng.

Chỉ số giá bình bình quân 4 tháng so cùng kỳ là 100,68%, năm trước là 100,49%.

V. XUẤT - NHẬP KHẨU

1. Xuất khẩu

Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá của các doanh nghiệp thành phố ước thực hiện tháng 04 đạt 2.701,6 triệu USD, tăng 1% so tháng trước.

Ước tính 4 tháng đầu năm đạt 9.671,5 triệu USD, tăng 5% so cùng kỳ (+458,5 triệu USD).

Loại trừ giá trị dầu thô, trị giá xuất khẩu 4 tháng đầu năm ước đạt 8.903,2 triệu USD, tăng 12,4%.

Tình hình cụ thể của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố xuất qua cửa khẩu thành phố như sau:

Tổng kim ngạch xuất khẩu bao gồm dầu thô ước thực hiện tháng 4 đạt 2.279,3 triệu USD, giảm 7,5% so tháng trước. Trong đó: khu vực kinh tế trong nước 1.123,4 triệu USD, giảm 7,5%; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài 1.155,9 triệu USD, giảm 7,5%.

Ước tính 4 tháng đầu năm đạt 8.442 triệu USD, tăng 1,7% so cùng kỳ (+137,5 triệu USD). Chia ra:

+ Thành phần kinh tế nhà nước đạt 1.202,8 triệu USD, chiếm tỷ trọng 14,2%, giảm 38% (-468,5 triệu USD);

+ Thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 4.074,6 triệu USD, chiếm 48,3%, tăng 9,2% (+343,6 triệu USD);

+ Thành phần kinh tế ngoài nhà nước đạt 3.164,7 triệu USD, chiếm 37,5%, tăng 9% (+262,4 triệu USD).

Loại trừ dầu thô ước đạt 7.673,7 triệu USD, tăng 9,5%.

Chia theo nhóm hàng (không kể dầu thô):

- Nhóm hàng nông sản đạt 1.332,5 triệu USD, chiếm tỷ trọng 17,4% trong tổng kim ngạch xuất khẩu không kể dầu thô, tăng 14,6% so cùng kỳ. Mặt hàng gạo và cà phê tăng cao so với cùng kỳ. Xuất khẩu gạo đạt 289,3 ngàn tấn, trị giá 405,7 triệu USD, tăng 58,9% so cùng kỳ, chiếm 5,3% trong tổng kim ngạch xuất khẩu. Cà phê ước xuất khẩu đạt 174,5 ngàn tấn, trị giá 271,6 triệu USD, tăng 20,5%, chiếm tỷ trọng 3,5%.

- Nhóm hàng thủy sản 204,2 triệu USD, chiếm tỷ trọng 2,7%, tăng 5,4%.

- Nhóm hàng công nghiệp 5.408,7 triệu USD, chiếm tỷ trọng 70,5%, tăng 9,5%. Trong đó hàng may mặc tăng 1,4%, giày dép giảm 8,3%, máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện tăng 31,1%

- Nhóm hàng lâm sản 164,2 triệu USD, chiếm tỷ trọng 2,1%, tăng 9,5%.

- Nhóm hàng hóa khác 564,3 triệu USD, chiếm tỷ trọng 7,4%, tăng 0,3%.

+ Riêng mặt hàng dầu thô: ước đạt 2.857,1 ngàn tấn, trị giá 768,3 triệu USD, giảm 40,7%, do giá bình quân giảm 38% so cùng kỳ.

2. Nhập khẩu

Tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hoá của các doanh nghiệp thành phố ước thực hiện tháng 04 đạt 3.214,9 triệu USD, tăng 3% so tháng trước. Ước tính 4 tháng đầu năm đạt 11.139,1 triệu USD, tăng 13,4%.

Tình hình cụ thể của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố nhập qua cửa khẩu thành phố như sau:

Tổng kim ngạch nhập khẩu tháng 04 ước đạt 2.592 triệu USD, giảm 3,2%. Trong đó: khu vực kinh tế trong nước đạt 1.500,3 triệu USD, giảm 0,1%; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài 1.091,7 triệu USD, giảm 6,1%.

Ước tính 4 tháng đầu năm đạt 9.437,6 triệu USD, tăng 13,1% (+1.095,6 triệu USD). Chia ra:

+ Thành phần kinh tế Nhà nước đạt 494,4 triệu USD, chiếm tỷ trọng 5,2%, tăng 2,9%;

+ Thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 3.868,9 triệu USD, chiếm 41%, tăng 19,2%;

+ Thành phần kinh tế ngoài nhà nước 5.074,4 triệu USD, chiếm 53,8%, tăng 10%.

Một số mặt hàng nhập khẩu chủ yếu trong 4 tháng đầu năm 2015:

+ Sữa và sản phẩm sữa nhập khẩu 161,2 triệu USD, chiếm tỷ trọng 1,7%, giảm 11,2%.

+ Nhiên liệu: về lượng ước nhập 428,1 ngàn tấn, tăng 56,4%, và kim ngạch đạt 163,7 triệu USD, chiếm tỷ trọng 1,73%, giảm 14,1% là do giá bình quân giảm 45,1%.

+ Nguyên phụ liệu dệt, may, da giày nhập 223,8 triệu USD, chiếm tỷ trọng 2,4%, giảm 11,8%.

+ Vải các loại nhập 667,1 triệu USD, chiếm tỷ trọng 7,1%, giảm 4,3%

+ Sắt thép đạt 468,2 triệu USD, chiếm tỷ trọng 5%, tăng 15,2%.

+ Dược phẩm đạt 417,6 triệu USD, chiếm tỷ trọng 4,4%, tăng 22,9%.

+ Chất dẻo đạt 488,5 triệu USD, chiếm tỷ trọng 5,2%, tăng 7%.

+ Máy tính, sản phẩm điện tử linh kiện 1.866,4 triệu USD, chiếm tỷ trọng 19,8%, tăng 35,6%.

VI. VẬN TẢI

Tổng doanh thu vận tải (thuần túy) tháng 4 ước đạt 6.423 tỷ đồng, tăng 1,2% so với tháng trước. Ước tính 4 tháng đầu năm đạt 27.107,2 tỷ đồng, tăng 20,8% so cùng kỳ năm trước.

Doanh thu vận chuyển hàng hóa và hành khách 4 tháng đầu năm 2016

	Doanh thu (tỷ đồng)		% so sánh với cùng kỳ năm 2014	
	Hàng hóa	Hành khách	Hàng hóa	Hành khách
Tổng số	18.421,8	8.685,4	120,5	121,2
<i>*Phân theo khu vực kinh tế</i>				
Kinh tế nhà nước	1.355,3	112,8	85,1	84,6
Kinh tế ngoài nhà nước	16.961,0	7.128,5	124,7	121,4
Kinh tế có vốn nước ngoài	105,5	1.444,0	118,5	124,5
<i>*Phân theo phương tiện vận tải</i>				
Trong đó : Đường bộ	11.034,2	7.171,2	124,7	120,0
Đường sông	1.954,3	168,5	125,2	118,7
Đường biển	5.390,0		111,5	
Đường hàng không	43,3	1.345,7	127,1	128,4

- **Vận tải hàng hóa:** Doanh thu tháng 4 ước đạt 4.489,4 tỷ đồng, tăng 1,3% so tháng trước. Ước tính 4 tháng đầu năm đạt 18.421,8 tỷ đồng, tăng 20,5% so cùng kỳ. Khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm 92,1%, tăng 24,7%; kinh tế nhà nước chiếm 7,4%, giảm 14,9%.

Doanh thu vận tải hàng hóa đường bộ chiếm tỷ trọng 59,9%, tăng 24,7%, đường biển chiếm tỷ trọng 29,3%, tăng 11,5%.

* **Vận tải hành khách:** doanh thu tháng 4 ước đạt 1.933,6 tỷ đồng, tăng 0,9% so tháng trước. Ước tính 4 tháng đầu năm đạt 8.685,4 tỷ đồng, tăng 21,2% so cùng kỳ. Khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm 82,1%, tăng 21,4%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 16,6%, tăng 24,5%.

Doanh thu vận tải hành khách đường bộ 7.171,2 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 82,6%, tăng 20%; Đường hàng không chiếm 15,5%, tăng 28,4%.

VII. TÀI CHÍNH

1. Tài chính

Tổng thu ngân sách Nhà nước 4 tháng ước thực hiện 99.359 tỷ đồng, đạt 33,0% dự toán, tăng 4,2% so cùng kỳ. Trong đó thu nội địa 65.377 tỷ đồng, đạt 36,8% dự toán, tăng 15,5% so cùng kỳ; thu từ dầu thô 4.596 tỷ đồng, đạt 25,3% dự toán, giảm 42,9% so cùng kỳ; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 28.600 tỷ đồng, đạt 27,9% dự toán, giảm 3,8% so cùng kỳ.

Thu ngân sách trên địa bàn

	Năm 2016 (Tỷ đồng)		% thực hiện 4 tháng năm 2016 so với	
	Dự toán	Ước TH 4 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2015
Tổng thu	300.800	99.359	33,0	104,2
Tổng thu cân đối ngân sách NN	298.300	98.572	33,0	104,4
I- Thu nội địa	177.600	65.377	36,8	115,5
Trong đó:				
1. Doanh nghiệp nhà nước	32.820	10.642	32,4	101,2
2. Khu vực ngoài nhà nước	39.000	17.434	44,7	130,5
3. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	48.700	17.610	36,2	116,5
II- Thu hoạt động xuất nhập khẩu	102.500	28.600	27,9	96,2
III- Thu từ dầu thô	18.200	4.596	25,3	57,1

Thu từ doanh nghiệp nhà nước chiếm 16,3% tổng thu nội địa, tăng 1,2% so cùng kỳ. Trong đó: Nhà nước trung ương ước thực hiện 6.180 tỷ đồng, đạt 30,6% dự toán, giảm 7,2% so cùng kỳ; Nhà nước địa phương ước thực hiện 4.462 tỷ đồng, đạt 35,3% dự toán, tăng 15,7% so cùng kỳ. Thu từ khu vực ngoài nhà nước 17.434 tỷ đồng, tăng 30,5% so cùng kỳ. Thu từ khu vực đầu tư nước ngoài 17.610 tỷ đồng, tăng 16,5%. Thu khác 19.691 tỷ đồng, đạt 34,5% dự toán; trong đó thuế thu nhập cá nhân 9.591 tỷ đồng, thu tiền sử dụng đất 3.412 tỷ đồng.

Thu ngân sách nhà nước địa phương 4 tháng ước đạt 23.048 tỷ đồng, đạt 36,1% dự toán, tăng 9,4% so cùng kỳ năm 2015.

Tổng chi ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) 4 tháng ước thực hiện 13.551 tỷ đồng, đạt 21,2% dự toán, tăng 12,1% so cùng kỳ.

Chi ngân sách địa phương

	Năm 2016 (Tỷ đồng)		% thực hiện 4 tháng năm 2016 so với	
	Dự toán	Ước TH 4 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2015
Tổng chi (trừ tạm ứng)	63.801	13.551	21,2	112,1
Trong đó:				
I- Chi đầu tư phát triển	26.547	5.503	20,7	123,6
Trong đó: trả lãi và vốn vay	3.973	18	0,5	148,7
II- Chi thường xuyên	34.630	8.026	23,2	105,9
Trong đó:				
Sự nghiệp kinh tế	4.901	737	15,0	161,1
Sự nghiệp giáo dục đào tạo	9.185	2.370	25,8	101,5
Sự nghiệp y tế	2.672	729	27,3	98,6
Quản lý hành chính	5.133	1.521	29,6	99,6

Chi đầu tư phát triển 5.503 tỷ đồng, đạt 20,7% dự toán, tăng 23,6% so cùng kỳ. Chi thường xuyên đạt 8.026 tỷ đồng, đạt 23,2% dự toán, tăng 5,9% so cùng kỳ; trong đó, chi sự nghiệp kinh tế 737 tỷ đồng, đạt 15,0% dự toán, tăng 61,1%; chi sự nghiệp giáo dục đào tạo 2.370 tỷ đồng, đạt 25,8% dự toán, tăng 1,5%; chi sự nghiệp y tế 729 tỷ đồng, đạt 27,3% dự toán, giảm 1,4%; chi quản lý hành chính 1.521 tỷ đồng, đạt 29,6% dự toán.

2. Thị trường chứng khoán

Đến cuối tháng 03 năm 2016, tổng số mã chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 308 gồm 307 mã cổ phiếu và 1 mã quỹ ETF, không thay đổi về số lượng so với cuối tháng 02. Ngày 02/03/2016 mã cổ phiếu KPF của Công ty Cổ phần Tư vấn Dự án Quốc tế KPF giao dịch ngày đầu tiên; ngày 03/03/2016 hủy niêm yết 2 mã cổ phiếu: KTB của Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc và PTK của Công ty Cổ phần Luyện kim Phú Thịnh; ngày 22/03/2016 mã cổ phiếu TCT của Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh giao dịch ngày đầu tiên.

Giá trị vốn hóa thị trường là 1.122.192,85 tỷ đồng, giảm 2,2% so với cuối năm 2015. Trong tháng 03/2016 có 23 phiên giao dịch, 14 phiên tăng điểm và 9 phiên giảm điểm. Trong tháng 03, đồ thị VN-Index có dạng hình chuông với giá trị đầu tháng và cuối tháng không có nhiều thay đổi. VN-Index tăng dần từ đầu đến giữa tháng rồi sau đó giảm dần về cuối tháng. Trong tháng 03, VN-Index có 4 lần thiết lập đỉnh mới kể từ đầu năm vào các ngày 07, 11, 12 và 17. Đến cuối tháng 03, VN-Index đạt 561,22 điểm, tăng 0,3% (tương ứng tăng 1,85 điểm) so với cuối tháng 02 và giảm 2,2% (tương ứng giảm 17,81 điểm) so với cuối năm 2015.

Khối lượng giao dịch của tháng 03/2016 đạt 3.533,46 triệu chứng khoán, tăng 86,2% so với tháng 02. Giá trị giao dịch của tháng đạt 59.238,83 tỷ đồng, tăng 82,1% so tháng trước. Trung bình mỗi phiên có 153,63 triệu chứng khoán được chuyển nhượng với giá trị 2.575,60 tỷ đồng. Khối lượng giao dịch trung bình mỗi phiên tăng 29,5% và giá trị giao dịch tăng 26,7% so với tháng trước.

Đến cuối tháng 02/2016, VN-Index đạt mức thấp nhất vào ngày 21/01 với 521,88 điểm và đạt mức cao nhất vào ngày 17/03 với 579,26 điểm.

Giao dịch chứng khoán trên thị trường niêm yết

	Kết quả giao dịch		% so sánh	
	Tháng 03/2016	3 tháng năm 2016	Tháng 03 so tháng 02	3 tháng so cùng kỳ
Tổng khối lượng giao dịch (triệu CK)	3.533,46	8.077,38	186,2	144,6
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	3.529,56	8.064,60	186,5	144,5
Trái phiếu	3,76	9,09	157,4	207,4
Chứng chỉ quỹ & ETF	0,14	3,69	5,6	155,7
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	3.068,84	7.164,13	179,5	141,7
Giao dịch thỏa thuận	464,62	913,25	246,6	171,9
Tổng giá trị giao dịch (tỷ đồng)	59.238,83	130.059,59	182,1	133,8
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	58.846,20	129.114,80	182,3	133,4
Trái phiếu	391,34	912,12	170,2	212,3
Chứng chỉ quỹ & ETF	1,29	32,67	5,9	146,2
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	46.938,96	104.278,67	185,9	125,0
Giao dịch thỏa thuận	12.299,87	25.780,92	168,9	186,4

Cập nhật đến ngày 15/04/2016, tổng số chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 308 chứng khoán. Giá trị vốn hóa thị trường là 1.159.298,12 tỷ đồng, tăng 1,0% so với cuối năm 2015. VN-Index tại ngày 15/04/2016 đạt 579,86 điểm, tăng 0,83 điểm so với cuối năm 2015 (tương ứng tăng 0,1%).

VIII. HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA XÃ HỘI

1. Trật tự an toàn xã hội (từ ngày 16/02/2016 đến 15/3/2016)

- **Tội phạm kinh tế:** Trong tháng đã phát hiện và xử lý 106 vụ vi phạm kinh tế trong đó bao gồm: buôn lậu và kinh doanh hàng ngoại nhập lậu (10 vụ); buôn bán và vận chuyển hàng cấm (42 vụ); kinh doanh hàng hóa không có hóa đơn, chứng từ (05 vụ); sản xuất, buôn bán hàng giả, vi phạm sở hữu công nghiệp (06 vụ); kinh doanh trái phép, trốn thuế (43 vụ). Thu giữ hàng hóa trị giá khoảng 1,1 tỷ đồng

Trên lĩnh vực tội phạm môi trường, Đã phát hiện và xử lý 30 vụ gây ô nhiễm môi trường, xử phạt hành chính 21 vụ thu khoảng 1,3 tỷ đồng.

- **Tội phạm hình sự:** Đã xảy ra 396 vụ phạm pháp hình sự tăng 17,9% (+60 vụ) so với cùng kỳ năm trước; làm chết 05 người, bị thương 54 người, thiệt hại tài sản trị giá khoảng 12 tỷ đồng. Các vụ phạm pháp hình sự chủ yếu là: giết người 03 vụ, cướp tài sản 14 vụ, bắt giữ người trái pháp luật 02 vụ, hiếp dâm 02 vụ, giao cấu với trẻ em 05 vụ, cưỡng đoạt tài sản 02 vụ, cố ý gây thương tích 35 vụ, cướp giết 75 vụ, trộm cắp tài sản 210 vụ, chống người thi hành công vụ 05 vụ, lừa đảo chiếm đoạt tài sản 33 vụ và án khác 10 vụ.

- Hoạt động phòng chống tệ nạn xã hội

* **Ma túy:** Đã khám phá 119 vụ, bắt 267 tên có hành vi mua bán, tàng trữ, vận chuyển trái phép các chất ma túy và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Đã khởi tố 90 vụ với 137 người vi phạm; xử lý hành chính 29 vụ với 130 người vi phạm.

* **Mại dâm và tệ nạn xã hội khác:** Đã phát hiện và xử lý 02 vụ mua, bán dâm. Kiểm tra lập biên bản 12 cơ sở dịch vụ giải trí vi phạm quy định.

* **Cờ bạc, cá độ:** Đã xử lý 30 vụ tổ chức cờ bạc bắt 187 người tham gia, thu giữ khoảng 200 triệu đồng và nhiều hiện vật.

- Trật tự an toàn giao thông

Trên địa bàn thành phố xảy ra 226 vụ tai nạn giao thông đường bộ, làm chết 62 người, bị thương 179 người; trong đó có 63 vụ tai nạn giao thông đường bộ từ ít nghiêm trọng trở lên tăng 31,3% (+31 vụ) so với cùng kỳ năm trước; làm chết 62 người, bị thương nặng 19 người và 163 vụ va chạm, làm bị thương nhẹ 159 người, hư hỏng 59 xe các loại. Trong tháng xảy ra 03 vụ TNGT rất nghiêm trọng và 02 vụ TNGT đặc biệt nghiêm trọng.

Về tai nạn giao thông đường sắt xảy ra 01 vụ, chết 01 người.

Về tai nạn giao thông đường thủy ghi nhận xảy ra 01 vụ va chạm giao thông trên tuyến thủy nội địa, không gây thiệt hại về người và tài sản thiệt hại không đáng kể.

Đã lập biên bản hành chính 38.946 trường hợp vi phạm trật tự an toàn giao thông, tạm giữ 5.948 xe các loại, tước giấy phép lái xe 6.093 trường hợp... Ra quyết định xử phạt 24.946 trường hợp, chuyển kho bạc nhà nước khoảng 14,9 tỷ đồng.

- **Tình hình cháy, nổ:** Trên địa bàn thành phố đã xảy ra 28 vụ cháy giảm 42,9% (-21 vụ) so với cùng kỳ năm trước; không có người chết và bị thương, thiệt hại về tài sản ước khoảng trên 38,3 triệu đồng (trong đó có 04 vụ chưa ước tính được thiệt hại).

Trong tháng trên địa bàn thành phố không xảy ra nổ nào.

2. Giải quyết việc làm

Trong tháng 04/2016, các khu vực kinh tế trên địa bàn thành phố đã giới thiệu và giải quyết việc làm cho 23.216 lao động, giảm 7,55% so với tháng trước đó. Số việc làm mới tạo ra là 9.827 việc làm, tăng 3,4% so tháng trước. Bốn tháng đầu năm, đã có 97.766 lượt người được giải quyết việc làm chiếm 36,2% so với kế hoạch, số chỗ việc làm mới tạo ra là 41.427 chỗ làm chiếm 33,1% so với kế hoạch. So cùng kỳ năm 2015, giải quyết việc làm tăng 2,1%; số việc làm mới tăng 4,5%.

Bảo hiểm thất nghiệp: từ ngày 01/3 đến 31/3, trên địa bàn thành phố có 9.866 lao động đến Trung tâm dịch vụ việc làm thành phố nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp, số người nhận quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp là 8.479 người, số người được tư vấn - giới thiệu việc làm: 10.359 người, số người được hỗ trợ học nghề: 1.147 người.

Trên đây là tình hình kinh tế - xã hội của thành phố Hồ Chí Minh tháng 04 năm 2016.